

|                                                                                  |                                                                                              |                |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|  | <b>PHIẾU KIỂM TRA ĐỊNH KÌ BẢO QUẢN XE LƯU KHO</b><br><i>(Check card storage maintenance)</i> | Biểu mẫu:      |
|                                                                                  |                                                                                              | Lần ban hành:  |
|                                                                                  |                                                                                              | Ngày soát xét: |

Căn cứ vào các hướng dẫn về việc bảo quản xe lưu kho, Việc bảo quản xe lưu kho định kì cần thực hiện và theo dõi các công việc sau:

Điền đầy đủ thông tin các xe lưu kho, lưu giữ phiếu tại xe hoặc văn phòng kho xe.

|                    |                            |                    |                    |
|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Loại xe/Truck type | Mã số chassis/ chassis No. | Thị trường/ Market | Tài khoản/ Account |
|                    |                            |                    |                    |

- A — Battery check/ Kiểm tra bình ắc quy
- B — Functional test: The truck electrical, mechanical and hydraulic functions must be checked by operating the switches and controls/ Vận hành kiểm tra chức năng của các hệ thống của xe như: điện, cơ khí, thủy lực, kiểm tra tình trạng hoạt động của các công tắc.
- C — Check the reagent (AdBlue®) level. (If applicable)/ Kiểm tra mực dung dịch Adblue (nếu xe có áp dụng)  
*Note: If necessary, Top up with reagent (AdBlue®)/ Bổ sung thêm dung dịch adblue nếu cần thiết.*  
*Note: Check the filters inside the tank. If there is crystallisation, replace the filters or clean with hot water.*  
*Ghi chú: Kiểm tra bộ lọc trong bình Adblue, nếu có hiện tượng kết tinh phải được thay thế hoặc rửa đông bằng nước nóng.*  
*Note: Replace the reagent (AdBlue®) before the delivering the truck to the customer.*  
*Ghi chú: thay thế dung dịch Adblue trước khi giao xe cho khách hàng.*
- D — Run the engine to operating temperature for 15 – 30 minutes/ Khởi động làm nóng động cơ từ 15-30 phút
- E — Road testing/ Chạy thử
- F — Ensure that the air tank pressure remains below 30%/ Chắc chắn rằng áp suất khí nén trong bình luôn duy trì dưới 30%.  
*Note: If necessary, drain the air tank by applying & release the brakes.*  
*Ghi chú: Nếu cần thiết, xả hết khí nén bằng cách đạp nhả phanh*  
*Note: If the vehicle storage exceeds the end week, start the cycle again from week 10*  
*Ghi chú: Nếu xe được lưu kho vượt quá tuần cuối cùng, hãy bắt đầu lại từ tuần thứ 10.*

| Week<br>Tuần          | Battery check<br>Kiểm tra ắc quy<br>(A) | Functional check<br>Kiểm tra chức năng<br>(B) | Check the reagent (AdBlue®) <sup>12</sup><br>Kiểm tra dung dịch Adblue<br>(C) | Run the engine<br>Khởi động động cơ<br>(D) | Road test<br>Kiểm tra trên đường<br>(E) | Check the air tank pressure<br>Kiểm tra áp suất bình khí nén<br>(F) | Notes<br>Ghi chú |
|-----------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------|
|                       | Date/Sign                               | Date/Sign                                     | Date/Sign                                                                     | Date/Sign                                  | Date/Sign                               | Date/Sign                                                           |                  |
| On arrival<br>Định kì |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 4                     |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 10                    |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 16                    |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 22                    |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 28                    |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 34                    |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 40                    |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |
| 46                    |                                         |                                               |                                                                               |                                            |                                         |                                                                     |                  |

|     |  |  |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|
| 52  |  |  |  |  |  |  |  |
| 58  |  |  |  |  |  |  |  |
| 64  |  |  |  |  |  |  |  |
| 70  |  |  |  |  |  |  |  |
| 76  |  |  |  |  |  |  |  |
| 82  |  |  |  |  |  |  |  |
| 88  |  |  |  |  |  |  |  |
| 94  |  |  |  |  |  |  |  |
| 100 |  |  |  |  |  |  |  |
| 106 |  |  |  |  |  |  |  |
| 112 |  |  |  |  |  |  |  |
| 118 |  |  |  |  |  |  |  |
| 124 |  |  |  |  |  |  |  |
| 130 |  |  |  |  |  |  |  |
| 136 |  |  |  |  |  |  |  |
| 142 |  |  |  |  |  |  |  |
| 148 |  |  |  |  |  |  |  |
| 154 |  |  |  |  |  |  |  |
| 160 |  |  |  |  |  |  |  |
| 166 |  |  |  |  |  |  |  |

<sup>1</sup>If applicable/ Nếu áp dụng

<sup>2</sup>Check the filters inside the tank. If there is crystallisation, replace the filters or wash with hot water/ Kiểm tra bộ lọc bên trong bình Adblue, nếu có kết tinh phải thay thế hoặc rửa lại bằng nước nóng

| Notes/ Ghi chú | Date/ Ngày | Carried out by/ Thực hiện bởi |
|----------------|------------|-------------------------------|
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |
| .....          | .....      | .....                         |

Circle any damage/ Khoanh vào bất kì thiệt hại nào của hình minh họa.

